TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-4-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đặng Văn Tâm;

bà Phan Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Trương Văn B, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện Ch, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* bà Đặng Thị Ng, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện Chtỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/3/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trương Văn B trình bày: ông B và bà Ng chung sống với nhau vào năm 1990 tại xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2012, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn rồi ly thân đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông B yêu cầu ly hôn bà Ng; không yêu cầu giải quyết về con chung Trương Văn X, sinh năm 1992, Trương Thanh S, sinh năm 1994 và Trương Thị Diễm H, sinh năm 1995 do con đã thành niên và có khả năng lao động; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đặng Thị Ng trình bày: từ trước đến nay, bà Ng đăng ký thường trú tại xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà Ng thống nhất chung sống với ông B vào khoảng năm 1990 và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng có sinh 03 đứa con Trương Văn X, sinh năm 1992, Trương Thanh S, sinh năm 1994 và Trương Thị Diễm H, sinh năm 1995. Các con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân. Từ năm 2017, thấy vợ chồng không còn hòa hợp nên vợ chồng không còn sống chung với nhau. Vì vậy, bà Ng chấp nhận ly hôn với ông B; không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung, tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa: ông B và bà Ng thống nhất chung sống từ năm 1990 đến năm 2017, sau đó, vợ chồng ai cũng có hoàn cảnh riêng nên không còn sống chung với nhau. Ông B và bà Ng giữ nguyên yêu cầu giải quyết về ly hôn, không yêu cầu giải quyết về con chung do con đã thành niên và có khả năng lao động, đồng thời, ông B và bà Ng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Ông B và bà Ng đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: từ khi ông B và bà Ng chung sống với nhau đến nay không đăng ký kết hôn nên quan hệ vợ chồng không được pháp luật công nhận và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Ông B có yêu cầu ly hôn với bà Ng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình: chấp nhận yêu cầu của ông B về tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông B với bà Ng. Ngoài ra, ông B và bà Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung, tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Ông B có đơn khởi kiện đối với bà Ng về yêu cầu ly hôn do không đăng ký kết hôn. Bà Ng có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã A, huyện Chtỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Ông B yêu cầu ly hôn với bà Ng do vợ chồng không còn tình cảm và không đăng ký kết hôn. Mặt khác, bà Ng thống nhất xác lập quan hệ vợ chồng với ông B từ năm 1990 nhưng đến nay cũng không đăng ký kết hôn. Bên cạnh đó, tại biên bản xác minh ngày 12/4/2023 của Ủy ban nhân dân xã An Thạnh Trung xác định: "từ năm 1990 đến nay, ông Trương Văn B, sinh năm 1970 và bà Đặng Thị Ng, sinh năm 1973 không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh Trung".

Như vậy, Tòa án xác định quá trình vợ chồng chung sống, ông B và bà Ng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ vợ chồng không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông B, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông B và bà Ng.

[3] Ông B và bà Ng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con Trương Văn X, sinh năm 1992, Trương Thanh S, sinh năm 1994 và Trương Thị Diễm H, sinh năm 1995 do con đã thành niên và có khả năng lao động; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: ông B phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn B đối với bị đơn bà Đặng Thị Ng.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trương Văn B và bà Đặng Thị Ng.

2. Về án phí sơ thẩm: ông Trương Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0013401 ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

3. Ông B và bà Ng có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tâm Nhân